



ÔN TẬP DẤU CÂU

Lớp học cô Ngọc Thương



Bài 1. Điền dấu câu thích hợp để kết thúc câu sau:

“Ôi, thư viện rộng thật”

A. Dấu chấm

B. Dấu chấm than

C. Dấu chấm hỏi

Bài 2. Điền dấu câu thích hợp để kết thúc câu sau:

“Các bạn nhỏ rủ nhau đến thư viện”

A. Dấu chấm

B. Dấu chấm than

C. Dấu chấm hỏi

Bài 3. Điền dấu câu thích hợp để kết thúc câu sau:

“Mẹ ơi, sao bác rùa không giống mọi người ạ”

A. Dấu chấm

B. Dấu chấm than

C. Dấu chấm hỏi

Bài 4. Điền dấu câu thích hợp để kết thúc câu sau:

“Bác rùa tốt bụng quá”

A. Dấu chấm

B. Dấu chấm than

C. Dấu chấm hỏi

Bài 5. Điền dấu câu thích hợp để kết thúc câu sau:

“Con thả hay chạy ra bờ sông uống nước”

A. Dấu chấm

B. Dấu chấm than

C. Dấu chấm hỏi

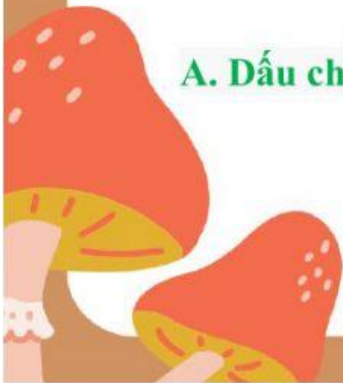
Bài 6. Điền dấu câu thích hợp để kết thúc câu sau:

“Thỏ mẹ ôm con vào lòng, khen con thông minh”

A. Dấu chấm

B. Dấu chấm than

C. Dấu chấm hỏi



Bài 7. Điền dấu câu thích hợp để kết thúc câu sau:

“Dậy sớm học bài là một thói quen tốt”

A. Dấu chấm B. Dấu chấm than C. Dấu chấm hỏi

Bài 8. Điền dấu câu thích hợp để kết thúc câu sau:

“Các cậu có nghe thấy tiếng gì không”

A. Dấu chấm B. Dấu chấm than C. Dấu chấm hỏi

Bài 9. Điền dấu câu thích hợp để kết thúc câu sau:

“Người du khách bỏ mũ ra và lau mồ hôi trên mặt”

A. Dấu chấm B. Dấu chấm than C. Dấu chấm hỏi

Bài 10. Điền dấu câu thích hợp để kết thúc câu sau:

“Giọt nước nay đến đây bằng cách nào nhỉ”

A. Dấu chấm B. Dấu chấm than C. Dấu chấm hỏi

Bài 11. Nối câu với dấu câu thích hợp:

Chị ong xinh đẹp quá

Dấu chấm

Bê vàng là bạn thân của dê trắng

Dấu chấm hỏi

Tại sao trái đất lại quay

Dấu chấm

Bé nhẹ nhàng tưới nước cho cây

Dấu chấm than

Cậu học trò rất chăm chỉ

Dấu chấm